TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 687/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Sơn Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13/5/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/01/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Số 20A Đường 728, Tổ 6, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Liễu Văn M, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 61/21 Đường 626, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/11/2021, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Chị N và anh Liễu Văn M có quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 09/7/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên gây gổ. Anh M thường xảy ra mâu thuẫn với ba mẹ của chị N, không lo cho con và phụ cấp tiền nuôi dưỡng con. Chị N và anh M ly thân được 02 năm, trong thời gian đó chị N đã nhiều lần

khuyên nhủ và cho cơ hội để thay đổi, nhưng anh M vẫn vậy. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Liễu Minh L, sinh ngày 19/01/2019, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Liễu Văn M vắng mặt từ khi vụ án được thụ lý; không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải cho đến phiên tòa mà không có lý do. Do đó, Toà án đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu ly hôn đối với anh Liễu Văn M , đây là tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, thuộc trường hợp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh M cư trú tại xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 09/7/2018, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Đời sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị N yêu cầu ly hôn anh M. Hội đồng xét xử xét thấy anh M đã nhận các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự chỉ xem xét các tài liệu, chứng cứ mà chị N đã giao nộp có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Hội đồng xét xử xét việc chị N yêu cầu ly hôn với anh M vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân được 02 năm, chị N không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng. Về phía anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Hội đồng xét xử không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị N và anh M có 01 (một) con chung tên Liễu Minh L, sinh ngày 19/01/2019. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Anh M vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy, trẻ L đang sống cùng mẹ ổn định về tâm, sinh lý, để đảm bảo quyền

lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao trẻ L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh N ly hôn anh Liễu Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 09/7/2018 hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Liễu Minh L, sinh ngày 19/01/2019, ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thoả thuận; nếu không thoả thuận được thì yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị N chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2011/0043766 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- VKSND huyện Củ Chi (02);
- Chi cục THADS huyện Củ Chi (01);
- UBND xã Trung Lập Thượng (01);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (02);
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Sơn Hà